**Thứ hai ngày 2 tháng 10 năm 2023**

**TUẦN 5: CHỦ ĐỀ 2: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**Bài 4: THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU**

**VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Hình thành năng lực tìm hiểu Địa lí thông qua việ nêu ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên đến đời sống và sản xuất của con người ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Hình thành năng lựuc vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ trong thực hiện các hoạt động học tập, tự hoàn thành các yêu cầu trong học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học và giải quyết các vấn đề học tập hiệu quả, sáng tạo (liên quan thực tế)

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hoạt động học tập, trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước, yêu thiên nhiên: Biết thực hiện bảo vệ chủ quyền đất nước, bảo vệ thiên nhiên bằng những việc làm thiết thực phù hợp khả năng.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với môi trường sống xung quanh, ý thức bảo vệ môi trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành: | | |
| - Tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Ghép thẻ”  + GV chuẩn bị các thẻ ghi “Khí hậu”, “Sông ngòi” và các thẻ ghi nội dung đặc điểm, tác động có lợi, tác động có hại của khí hậu, sông ngòi mang lại cho sản xuất, đời sống.  + Hướng dẫn tổ chức HS ghép các thẻ theo các nội dung phù hợp.  - GV nhận xét, liên hệ nội dung bài cũ và dẫn dắt học sinh vào bài mới. | | - HS tham gia.  - Nghe GV hướng dẫn và tham gia trò chơi. Ví dụ:   |  |  | | --- | --- | | **Khí hậu** | **Sông ngòi** | | - Nhiệt đới ẩm gió mùa.  - Mùa đông lạnh, tuyết rơi.  - Du lịch  - Rét hại,......... | - Thác ghềnh  - Làm thủy điện.  - Xảy ra lũ lụt  ...................... |   - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:*  **-** Mục tiêu:  + Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1: Ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên đối với sản xuất và đời sống.**  - Yêu cầu học sinh đọc thông tin SGK  - Tổ chức HS quan sát hình 9 đến hình 14 thảo luận nhóm và cho biết ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đối với sản xuất và đời sống của người dân trong từng hình.  *(GV hướng hỗ trợ, hướng dẫn HS khai thác thông tin qua từng hình)*  - Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng như thế nào (thuận lợi, khó khăn) đến đời sống và sản xuất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - GV nhận xét kết luận, tuyên dương học sinh.  - GV cung cấp thêm thông tin cho HS (hình ảnh, video) thể hiện những thuận lợi khó khăn của vùng để học sinh khắc sâu kiến thức. | | - 2 HS đọc thông tin SGK  - HS quan sát hình 9 đến hình 14, thảo luận và trả lời.  + Hình 9: Khai thác quặng sát (tỉnh Thái Nguyên): Vùng có nhiều khoáng sản thuận lợi để phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.  + Hình 10: Đập thủy điện Sơn La trên sông Đà (tỉnh Sơn La): Vùng có nhiều sông lướn, thác ghềnh có tiềm năng phát triển thủy điện.  + Hình 11: Thu hoạch chè (tỉnh Phú Thọ): Vùng có đất, khí hậu thích hợp để trrồng nhiều lại cây công nghiệp  + Hình 12: Một góc vịnh Hạ Long (Quảng Ninh): Vùng có tiềm năng phát triển kinh tế biển (du lịch, đánh bắt,..)  + Hình 13: Lũ quét và sạt lỡ đất: Vùng chịu nhiều thiên tai gây thiệt hại về người và tài sản.  + Hình 14: Băng giá ở tỉnh Lai Châu năm 2018: Gây ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi và sinh hoạt của con người. Thu hút khách tham quan.  - Vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế: khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, du lịch,.....Tuy nhiên cũng có tác động xâu như địa hình đồi núi, sông nhiều thác ghềnh dẫn đến địa hình bị chia cắt, lũ lụt, sạt lỡ, khí hậu lại, băng tuyết ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống.  - Học sinh lắng nghe. |
| **Hoạt động 2: Biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.**  - Tổ chức học sinh hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi:  + Dựa và kiến thức đã học em hãy kể tên một số thiên tai thường xảy ra ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Tác hại (hậu quả) của những thiên tai đó như thế nào ?  + Đọc thông tin và sơ đồ hình 15, hãy nêu một số biện pháp góp phần bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.  A picture containing text, font, screenshot, line  Description automatically generated  + Em hãy liên hệ thực tế địa phương và nêu một số biện pháp mà địa phương đã thực hiện để góp phần phòng, chống thiên tai.  - GV nhận xét, kết luận, liên hệ giáo dục học sinh về bảo vệ thiên nhiên, môi trường. | | - Học sinh trả lời câu hỏi.  + Một số thiên tai như: lũ quét, sạt lỡ đất, sương muối, rét đậm, rét hại,......  + Học sinh trả lời theo ý kiến, kiến thức cá nhân.  + Học sinh dựa vào nội dung hình 15 trả lời.  + Học sinh liên hệ thực tế và trả lời.  - Học sinh lắng nghe. |
| **3. Luyện tập**  **-** Mục tiêu:  + Củng cố nội dung kiến thức của bài học.  + Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học và giải quyết nhiệm vụ học tập.  **-** Cách tiến hành: | | |
| - Gọi học sinh đọc yêu cầu.  - Hướng dẫn học sinh nhớ lại nội dung kiến thức đã học và thực hiện bài tập trên phiếu học tập.  - GV nhận xét kết luận, tuyên dương học sinh. | | - Học sinh đọc yêu cầu.  - Học sinh thực hiện cá nhân trên phiếu học tập.  A picture containing text, font, screenshot, algebra  Description automatically generated |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV yêu cầu học sinh đọc nội dung phần vận dụng suy nghĩ, tìm câu trả lời:  + Nếu đi du lịch ở thị xã Sa Pa, em sẽ chọn đi vào mùa nào trong năm? Vì sao?  + Chia sẻ những điều em đã học được với người thân.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

-----------------------------------------------------------------

**TUẦN 5 : CHỦ ĐỀ 2: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**Bài 5: DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT**

**Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Nhận xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.

- Hình thành năng lực nhận thức, tìm hiểu khoa học địa lí thông qua việ kể tên một số dân tộc, sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ trong thực hiện các hoạt động học tập, tự hoàn thành các yêu cầu trong học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học và giải quyết các vấn đề học tập hiệu quả, sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hoạt động học tập, trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết tôn trọng sự khác biệt giữa các dân tộc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với bản thân, lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành: | | |
| - Cho học sinh xem 1 đoạn video giới thiệu về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (<https://youtu.be/3Vjp8dzCTv0>) Nguồn: Sưu tầm internet)  - Qua đoạn video và những hiểu biết em hãy nêu những điều mà em biết về con người và hạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc bộ.  - GV nhận xét, tuyên dương. Dẫn dắt giới thiệu vào bài học. | | - Học sinh theo dõi.  - Học sinh nêu ý kiến cá nhân.  - Học sinh lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:*  **-** Mục tiêu:  + Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Nhận xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về Dân cư.**  **a) Một số dân tộc ở vùng dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.**  - Gọi học sinh đọc đọc thông tin, quan sát hình 1, 2 và thực hiện yêu cầu:  + Hãy kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Bằng sự hiểu biết của mình em hãy nêu những điều mà em biết về một (hay nhiều) dân tộc vừa nêu trên.  + Em có nhận xét gì về mỗi dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - GV nhận xét, kết luận, tuyên dương học sinh. Giáo dục học sinh *(Tôn trọng sự khác biệt giữa mỗi dân tộc)* | | - Đọc thông tin, quan sát hình 1, 2 và thực hiện theo yêu cầu:  + Một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: Mường, Thái, Dao, Mông, Tày, Nùng, Kinh,…  + Học sinh nêu theo ý kiến cá nhân và sự hiểu biết của mình.  + Mỗi dân tộc đều có tiếng nói riêng, tập quán sinh hoạt và trang phục truyền thống riêng, tạo nên sự đa dạng về văn hóa của vùng.  - Học sinh lắng nghe. |
| **b) Sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.**  - Yêu cầu học sinh quan sát hình 3, hoàn thành phiếu học tập.  *(GV giải thích cho học sinh khái niệm về mật độ dân số và hướng dẫn học sinh dựa vào bảng chú giải để khai thác thông tin lược đồ hình 2)*   |  |  | | --- | --- | | **Mật độ dân số** | **Tỉnh** | | Dưới 100 người/km2 |  | | Trên 400 người/km2 |  | | Từ 200 đến 400 người/km2 |  | | Từ 100 đến dưới 200 người/km2 |  |   - GV nhận xét, kết luận, tuyên dương HS.  - Từ kết quả trên em có nhận xét gì về dân cư, sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - GV nhận xét. Kết luận kiến thức cho học sinh. | | - Hoạt động nhóm đôi, quan sát hình 3 và hoàn thành phiếu học tập.   |  |  | | --- | --- | | **Mật độ dân số** | **Tỉnh** | | Dưới 100 người/km2 | Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn | | Trên 400 người/km2 | Phú Thọ, Bắc Giang. | | Từ 200 đến 400 người/km2 | Thái Nguyên, Quảng Ninh. | | Từ 100 đến dưới 200 người/km2 | Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang, Hòa Bình. |   - Học sinh trình bày kết quả.  - Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng dân cư thưa thớt, phân bố không đều giữa các tỉnh, giữa khu vực miền núi và khu vực trung du.  - Học sinh lắng nghe. |
| **3. Luyện tập**  **-** Mục tiêu:  + Kể được tên một số dân tộc, mô tả đơn giản sự phân bố dân cư của ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ, lược đồ qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học Địa lí.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 2: Kể tên một số dân tộc, xác định khu vực (tỉnh) phân bố mật độ dân số vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ.**  - Gọi học sinh kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - Giáo viên sử dụng lược đồ (Hình 3) gọi học sinh xác định trên lược đồ vị trí của các tỉnh có mật độ dân số theo phần chú giải của lược đồ (Hình 3)  - GV nhận xét, tuyên dương học sinh. | | - Học sinh kể tên.  - Lắng nghe giáo viên hướng dẫn.  - Thực hiện cá nhân.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV yêu cầu học sinh:  + Chia sẻ những điều em đã học được với người thân.  + Sưu tầm tranh, ảnh, thông tin về một số dân tộc sinh sống ở vừng Trung du và miền núi Bắc Bộ và chia sẻ với bạn.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

---------------------------------------------------